TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 01-7-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh

2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 445/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Bạch T, sinh năm 1983.

Nơi đăng ký thường trú: Số nhà 51, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Tấn H, sinh năm 1977;

Nơi đăng ký thường trú: Số nhà 5/7, tổ 8, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Nơi tạm trú: Số nhà 51, ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018, các bản khai, biên bản hòa giải tại Tòa án nguyên đơn chị Ngô Thị Bạch T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Tấn H tự nguyện tìm hiểu chung

sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01/2007, ngày 20/4/2007. Quá trình chung sống vợ chồng chị hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu, nguyên nhân là anh H không lo làm ăn, thường hay cờ bạc gây nợ nần, chị đã đứng ra trả nợ cho anh H bốn lần nH anh vẫn không thay đổi. Vợ chồng chị đã nhiều lần hàn gắn mâu thuẫn nH không được, đến tháng 10/2018 thì ly thân nhau cho đến khi chị nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Quá trình sống ly thân vẫn ở chung nhà nH vợ chồng chị không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Tấn H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo H1 sinh ngày 10/4/2008 và Huỳnh Gia B sinh ngày 02/01/2010. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai con chung và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con chung, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2019, bị đơn anh Huỳnh Tấn H trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2007 có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70, quyển số 01/2007 ngày 20/4/2007. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H đi Vũng Tàu chơi mà không báo cho chị T biết nên xảy ra sự hiểu lầm, chị T cho rằng anh có quan hệ với người phụ nữ khác, anh cũng nghi ngờ chị T có người đàn ông khác nên mới ly hôn. Từ tháng 10/2018 anh chị đã sống ly thân, mặc dù sống chung nhà nH vợ chồng không nói chuyện, không quan tâm nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo H1 sinh ngày 10/4/2008 và Huỳnh Gia B sinh ngày 02/01/2010, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung khi ly hôn và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con chung thì anh đồng ý.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Về tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ là đúng quy định.

- Việc giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát là trễ hạn.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử và đương sự là đúng quy định.

* Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ theo yêu cầu của Viện kiểm sát tại văn bản số 11/YC-VKS-DS ngày 30/5/2019 của Viện kiểm sát để bổ sung hồ sơ.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Ngô Thị Bạch T khởi kiện anh Huỳnh Tấn H yêu cầu giải quyết ly hôn, bị đơn có địa chỉ tại: ấp B, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Bị đơn anh Huỳnh Tấn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nH vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Bạch T và anh Huỳnh Tấn H tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 70, ngày 20/4/2007, căn cứ các Điều 11, 12, 13, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay, mặc dù ở cùng nhà nH giữa vợ chồng anh chị không có sự quan tâm nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị không tin tưởng, cho rằng vợ chồng đều có tình cảm với người khác. Quá trình giải quyết anh H trình bày không đồng ý ly hôn với chị T do còn thương vợ, nH khi Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải nhiều lần để vợ chồng đoàn tụ anh H đều vắng mặt cho thấy bản thân anh H không có thiện chí để níu kéo tình cảm vợ chồng. Quá trình xác minh tại UBND xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu về tình trạng hôn nhân giữa anh chị cho thấy anh H hay cờ bạc gây nợ nần, chị T đã đứng ra trả nợ cho anh H nhiều lần nH anh vẫn không thay đổi nên lời khai của chị T là có cơ sở. Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là có thật, mâu thuẫn đã đến mức

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị T về việc ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh H có 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo H1 sinh ngày 10/4/2008 và Huỳnh Gia B sinh ngày 02/01/2010, chị T yêu cầu được nuôi hai con chung khi ly hôn và yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con chung, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2019 anh Huỳnh Tấn H đồng ý với yêu cầu được nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị T. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng được ở với mẹ của các con chung nên ghi nhận sự thỏa thuận trên, giao hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và anh Huỳnh Tấn H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị Hội đồng xét xử phải tiến hành điều tra, thu thập chứng cứ bổ sung theo yêu cầu số 11/YC-VKS-DS ngày 30/5/2019 về việc:

+ Làm rõ việc cấp tống đạt cho anh Huỳnh Tấn H vào ngày 11/12/2018 do bà Đinh Thị H2 và phó ấp Bình Th ông Huỳnh Hữu H nhận thay.

+ Làm rõ việc anh Huỳnh Tấn H có sinh sống tại địa chỉ số 51 đường Bình Hòa – Cây Dương, khu 3, ấp Bình Thạch, xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu hay không.

+ Làm rõ mâu thuẫn trong việc xác nhận của Công an xã B, huyện V về việc xác nhận anh H có tạm trú tại xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu ngày 06/11/2018 và Biên bản xác minh của Tòa án về việc anh H không còn sinh sống tại địa phương từ cuối tháng 12/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại thời điểm thụ lý vụ án (03/12/2018) Công an xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu xác nhận anh Huỳnh Tấn H có tạm trú tại địa phương, quá trình giải quyết Tòa án đã tống đạt trực tiếp cho anh Huỳnh Tấn H tại địa chỉ số nhà 51 đường Bình Hòa – Cây Dương, khu 3, B, xã B, huyện V, anh H đã nhận được các văn bản của Tòa án và đến Tòa làm việc, tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai vào ngày 10/01/2019 tại Tòa án anh H vẫn xác định mình hiện đang tạm trú tại địa chỉ trên. Quá trình xét xử, Tòa án tống đạt trực tiếp (thông qua văn phòng thừa phát lại) quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho anh Huỳnh Tấn H cũng tại địa chỉ trên và anh H đều ký nhận. Do đó, không cần thiết phải tiến hành xác minh các nội dung theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Quan điểm về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được

chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Ngô Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Anh Huỳnh Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 11, 12, 13, 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Bạch T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Bạch T được ly hôn với anh Huỳnh Tấn H.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Huỳnh Ngọc Bảo H1 sinh ngày 10/4/2008 và Huỳnh Gia B sinh ngày 02/01/2010 cho chị Ngô Thị Bạch T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Tấn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng cho mỗi một con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Huỳnh Tấn H không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 004941 ngày 30/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

Anh Huỳnh Tấn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí không có giá ngạch.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ, để Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKS nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- UBND phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Quang